

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26/6/2024

Về việc: "Ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH B**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Ông H T

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Ng Đăng Th

Ông H Văn T

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Ph - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B:* Bà V H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2023/TLST - HN&GD ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bé Thị T, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn Tr, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Phước Tiến, xã Tân Phước, huyện Đ, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2023 nguyên đơn là bà Bé Thị T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn Tr kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện Đ, tỉnh B.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017, từ năm 2017 đến nay thì vợ chồng sống không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn Tr có quan điểm sống khác nhau, từ đó tình cảm giữa vợ ngày càng lạnh nhạt. Từ năm 2021 đến nay, giữa bà T và ông Tr sống ly thân với nhau. Thực tế thì cuộc hôn nhân giữa bà T và ông Tr chỉ còn trên danh nghĩa chứ không còn xuất phát từ tình cảm thương yêu nhau. Vì con, bà T cũng đã cố gắng chịu đựng nhưng không thể che giấu được. Bà T xác định, hiện tại tình cảm mà bà T dành cho ông Tr đã thực sự hết, và yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Tr.

*Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn Tr có 02 con chung tên là Hoàng Thị Hồng Nh, sinh năm 2004 và Hoàng Long V, sinh năm 2006, do các con đã lớn trên 18 tuổi nên bà T không yêu cầu giải quyết về con chung.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

+ *Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/5/2024 bị đơn là ông Hoàng Văn Tr trình bày.*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn Tr kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2002, đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện Đ, tỉnh B. Quá trình chung sống thì vợ chồng sống hạnh phúc bình thường nhưng đến năm 2018 do ông Tr bị tai nạn khi cưa cây không đi lại được nữa thì bà T thay đổi, không còn quan tâm gia đình chồng con như trước và phát sinh mối quan hệ với người khác. Từ năm 2023 đến nay thì giữa bà T và ông Tr sống ly thân với nhau. Hiện tại bà T yêu cầu ly hôn với ông Tr thì ông Tr không đồng ý, khi nào các con lớn học xong đại học thì ông Tr sẽ ly hôn với và T.

*Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn Tr có 02 con chung tên là Hoàng Thị Hồng Nh, sinh năm 2004 và Hoàng Long V, sinh năm 2006, do các con đã lớn trên 18 tuổi nên ông Tr không yêu cầu giải quyết về con chung.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ông Hoàng Văn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên Tòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn. Phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bé Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị tuyên xử cho bà Bé Thị T được ly hôn với ông Hoàng Văn Tr.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết, do các đương sự không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết, do các đương sự không có yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả Tr luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;**

*Về quan hệ pháp luật:* Bà Bé Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Văn Tr. Đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Bị đơn là ông Hoàng Văn Tr cư trú tại Ấp Phước Tiến, xã Tân Phước, huyện Đ, tỉnh B. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì

đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

*Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn là Bé Thị T và đơn là ông Hoàng Văn Tr đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định.

*Yêu cầu của đương sự:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn Tr kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện Đ, tỉnh B (Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyền số 05, do Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện Đ ký cấp ngày ngày 02 tháng 3 năm 2004). Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong thời gian chung sống thì giữa bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn Tr sống với nhau không có hạnh mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do bà T và ông Tr có quan điểm sống khác nhau dẫn đến mâu thuẫn. Mặc dù ông Tr không đồng ý ly hôn, tuy nhiên xét thấy cuộc hôn nhân giữa bà Bé Thị T và ông Hoàng Văn Tr đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của cuộc hôn nhân đã không đạt được, bà T không đồng ý đoàn tụ với ông Tr mà cương quyết ly hôn và cả hai đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai cả, mạnh ai người đó sống. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Tr là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bé Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bé Thị T được ly hôn với ông Hoàng Văn Tr.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Bé Thị T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 000551 ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND xã Tân Phước;
- Các đương sự
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**H T**

